

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2019/HNGĐST**
Ngày 03-12-2019
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Khắc Việt**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến**.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2019/QĐST–HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh Đ** – sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 01, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Thùy L** – sinh năm 1983 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: tổ 01, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:**

Anh và chị Trần Thị Thùy L chung sống với nhau vào tháng 7/2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23 tháng 6

năm 2003. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 4-5 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, chị L không quan tâm đến chồng con, không lo cho cuộc sống gia đình, tự làm theo ý của mình, hay đi chơi vào ban đêm với bạn bè, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, nếu vợ chồng có to tiếng là chị L bỏ nhà đi một vài ngày mới về. Anh Đ có khuyên can nhiều lần nhưng chị L vẫn không thay đổi. Đến tháng 5/2018 thì chị L lấy lý do là đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh rồi đi từ đó đến nay không về, chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại, nhắn tin cho cháu P, không hề có ý định gìn giữ cuộc sống vợ chồng, cuộc sống gia đình này nữa. Anh Đ nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ và chị L đã ly thân với nhau từ tháng 5/2018 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần P – sinh ngày 02/01/2005

Cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với anh Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về quan hệ con chung: Anh Đ yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần P – sinh ngày 02/01/2005, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn chị Trần Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên chị L không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:**

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định

của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh Đ.

+ *Về quan hệ con chung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh Đ, tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần P – sinh ngày 02/01/2005 cho anh Đ nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Chị Trần Thị Thùy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; nhưng tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa anh Đ yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thùy L.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh Nguyễn Minh Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy anh Nguyễn Minh Đ và chị Trần Thị Thùy L chung sống với nhau được Ủy ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 1/2003, ngày 23/6/2003 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ*: Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh Đ và chị L chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, chị L không quan tâm đến chồng con,

không lo cho cuộc sống gia đình, tự làm theo ý của mình, hay đi chơi vào ban đêm với bạn bè, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, nếu vợ chồng có to tiếng là chị L bỏ nhà đi một vài ngày mới về. Anh Đ có khuyên can nhiều lần nhưng chị L vẫn không thay đổi. Đến tháng 5/2018 thì chị L lấy lý do là đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh rồi đi từ đó đến nay không về, chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại, nhắn tin cho cháu P, chị L không có ý định gìn giữ cuộc sống vợ chồng, cuộc sống gia đình với anh Đ. Mặt khác, anh Đ và chị L đã ly thân với nhau từ tháng 5/2018 đến nay. Chính vì thế, việc anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng của anh Đ:

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần P thì nguyện vọng của cháu P là muốn được sống chung với cha là anh Đ. Ngoài ra, hiện nay cháu P đang được anh Đ nuôi dưỡng, anh Đ vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do vậy, yêu cầu nuôi con của anh Đ là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Do anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh Đ được ly hôn với chị Trần Thị Thùy L.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần P – sinh ngày 02/01/2005 cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ có yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Trần Thị Thùy L, nên anh Đ phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh Đ ly hôn với chị Trần Thị Thùy L.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần P – sinh ngày 02/01/2005 cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thùy L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Anh Nguyễn Minh Đ phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Minh Đ đã nộp đủ.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003454 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Trần Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo